

CÂN BẰNG GIỮA PHẢN HỒI HÌNH THỨC VÀ PHẢN HỒI NỘI DUNG: MỘT HƯỚNG TIẾP CẬN ĐỔI MỚI TRONG DẠY VIẾT ĐOẠN VĂN NGẮN CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH

BALANCING FORM-FOCUSED AND CONTENT-FOCUSED FEEDBACK: AN INNOVATIVE APPROACH TO TEACHING SHORT PARAGRAPH WRITING FOR ENGLISH-MAJORED STUDENTS

Nguyễn Thị Quỳnh Hoa*, Nguyễn Đoàn Thảo Chi

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, Việt Nam¹

*Tác giả liên hệ / Corresponding author: ntqhoa@ufl.udn.vn

(Nhận bài / Received: 15/6/2025; Sửa bài / Revised: 24/7/2025; Chấp nhận đăng / Accepted: 11/8/2025)

DOI: 10.31130/ud-jst.2025.23(8C).435

Tóm tắt - Mục tiêu của nghiên cứu là khảo sát thực trạng áp dụng phản hồi hình thức (PHHT) và phản hồi nội dung (PHND) trong việc chỉnh sửa các đoạn văn học thuật ngắn của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh. Nghiên cứu tập trung tìm hiểu nhận thức và kỳ vọng của sinh viên đối với hai hình thức phản hồi này, từ đó đề xuất một mô hình phản hồi tích hợp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy kỹ năng viết học thuật. Nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát định lượng với 100 sinh viên, và phỏng vấn định tính 20 sinh viên cùng 10 giảng viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phản hồi của giảng viên chủ yếu tập trung vào các lỗi ngữ pháp và cấu trúc câu, trong khi các lỗi hình thức khác chưa được chú trọng đúng mức. Sinh viên đánh giá cao PHHT, song lại đặc biệt kỳ vọng vào PHND giúp phát triển ý tưởng và lập luận cho bài viết. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một mô hình phản hồi tích hợp, kết hợp cân bằng giữa PHHT và PHND.

Từ khóa - Phản hồi hình thức; phản hồi nội dung; đoạn văn học thuật ngắn, mô hình phản hồi tích hợp

1. Đặt vấn đề

1.1. Bối cảnh nghiên cứu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra ngày càng sâu rộng, kỹ năng viết tiếng Anh đã trở thành một trụ cột thiết yếu trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh. Điều này đặc biệt đúng đối với sinh viên chuyên ngữ – những người được kỳ vọng sử dụng thành thạo tiếng Anh trong các hoạt động học thuật và nghề nghiệp trong tương lai. Nhằm đáp ứng yêu cầu này, việc phát triển kỹ năng viết được chú trọng ngay từ những năm đầu đại học, với mục tiêu hình thành nền tảng vững chắc cho khả năng diễn đạt và tư duy bằng ngôn ngữ thứ hai.

Trong quá trình giảng dạy kỹ năng viết, các đoạn văn ngắn với chủ đề đa dạng như khoa học, kỹ thuật và môi trường ngày càng được ưu tiên lựa chọn. Xu hướng này không chỉ phản ánh sự giao thoa liên ngành trong giáo dục hiện đại, mà còn nhằm mục tiêu phát triển tư duy phân tích và phản biện ở người học – những năng lực cốt lõi trong học tập bậc đại học. Đồng thời, việc sử dụng các chủ đề mang tính học thuật và thời sự còn góp phần đảm bảo sinh

Abstract - This study is aimed at investigating the current practices in the application of Form-Focused Feedback (FFF) and Content-Focused Feedback (CFF) to the revision of short academic paragraphs written by first-year English-major students. Additionally, the study seeks to explore students' perceptions and expectations regarding these two types of feedback, thereby proposing an integrated feedback model to enhance the teaching and learning of academic writing skills. The researchers conducted a quantitative survey with 100 students and qualitative interviews with 20 students and 10 lecturers. The findings indicate that instructors predominantly focus on grammatical and syntactic errors, while other formal errors tend to be overlooked. Students highly value FFF; however, they also express strong expectations for in-depth CFF that supports idea development and argumentation. The study proposes an integrated feedback model that balances CFF and FFF.

Key words - Form-focused feedback; content-focused feedback; short academic paragraphs, integrated feedback model

viên đạt được các chuẩn đầu ra đã được xác định trong chương trình đào tạo.

1.2. Vấn đề đặt ra

Phản hồi của giảng viên đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao năng lực viết học thuật cho sinh viên, đặc biệt là trong bối cảnh dạy và học tiếng Anh như một ngoại ngữ. Trong quá trình rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn học thuật ngắn, sinh viên không chỉ cần phát hiện và sửa lỗi hình thức như ngữ pháp hay từ vựng, mà còn cần được hướng dẫn cách phát triển ý tưởng, lập luận và tổ chức nội dung một cách hiệu quả. Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng, phản hồi hình thức (Form-Focused Feedback – FFF) (PHHT) góp phần nâng cao độ chính xác ngôn ngữ trong bài viết ([1] - [3]), trong khi phản hồi nội dung (Content-Focused Feedback – CFF) (PHND) đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển tư duy phản biện và khả năng tổ chức ý tưởng ([4], [5]).

Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra rằng việc chỉ tập trung vào một loại phản hồi có thể dẫn đến những hạn chế nhất định. Việc quá chú trọng đến lỗi ngôn ngữ có thể

¹ The University of Danang - University of Foreign Language Studies, Vietnam (Nguyen Thi Quynh Hoa, Nguyen Doan Thao Chi)

khuyến sinh viên bỏ qua nội dung, còn PHND không cụ thể lại dễ khiến sinh viên lúng túng khi chỉnh sửa bài viết ([6], [7]). Trong bối cảnh đó, một số học giả đề xuất mô hình phản hồi tích hợp, kết hợp cả PHHT và PHND để hỗ trợ người học một cách toàn diện ([8], [9]). Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu hiện nay tập trung vào bài viết dài như luận văn hay tiểu luận, trong khi các đoạn văn học thuật ngắn – hình thức viết phổ biến trong những năm đầu đại học – lại ít được chú ý, đặc biệt là trong bối cảnh giảng dạy tiếng Anh ở Việt Nam.

Xuất phát từ khoảng trống đó, nghiên cứu này tập trung khảo sát thực trạng và kỳ vọng của sinh viên đối với hai loại phản hồi trong quá trình viết đoạn văn học thuật ngắn, từ đó đề xuất một mô hình phản hồi tích hợp phù hợp với đặc thù người học năm nhất và định hướng nâng cao hiệu quả giảng dạy kỹ năng viết học thuật ở bậc đại học.

1.3. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở thực trạng và các vấn đề đã nêu, nghiên cứu này được triển khai với ba mục tiêu chính:

Thứ nhất, nghiên cứu khảo sát và đánh giá thực tiễn áp dụng hai hình thức phản hồi chủ yếu – phản hồi tập trung vào hình thức (PHHT) và phản hồi tập trung vào nội dung (PHND) – trong hoạt động kiểm tra, đánh giá các đoạn văn học thuật ngắn của sinh viên, với các chủ đề thuộc lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và môi trường.

Thứ hai, nghiên cứu đi sâu tìm hiểu nhận thức, thái độ và kỳ vọng cụ thể của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh đối với hai loại phản hồi này, qua đó làm rõ nhu cầu và mong muốn của người học trong quá trình phát triển kỹ năng viết học thuật.

Thứ ba, trên cơ sở kết quả khảo sát và phân tích dữ liệu, nghiên cứu đề xuất một mô hình phản hồi tích hợp, hướng đến việc nâng cao hiệu quả giảng dạy cũng như cải thiện chất lượng kiểm tra – đánh giá kỹ năng viết trong bối cảnh đào tạo đại học hiện nay.

1.4. Câu hỏi nghiên cứu

Nhằm đạt được các mục tiêu nghiên cứu đã đề ra, đề tài tập trung giải quyết ba câu hỏi nghiên cứu cốt lõi sau:

1. Phản hồi tập trung vào hình thức (PHHT) và phản hồi tập trung vào nội dung (PHND) hiện đang được triển khai như thế nào trong giảng dạy kỹ năng viết đoạn văn học thuật ngắn cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh?

2. Sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh nhận thức ra sao và có những kỳ vọng gì đối với hai loại phản hồi này trong quá trình phát triển kỹ năng viết?

3. Mô hình phản hồi tích hợp nào có thể được đề xuất và áp dụng hiệu quả trong hoạt động kiểm tra, đánh giá đoạn văn học thuật ngắn tại bậc đại học?

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Khái niệm phản hồi trong giảng dạy viết

Phản hồi trong giảng dạy kỹ năng viết được xem là một yếu tố then chốt, có vai trò cung cấp thông tin phản hồi cho người học về mức độ hiệu quả của bài viết cũng như những khía cạnh cần cải thiện. Theo quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu, phản hồi được hiểu là những thông tin, nhận xét hoặc góp ý do giảng viên hoặc người đọc cung cấp cho

người viết, với mục đích giúp họ nhận diện điểm mạnh, điểm yếu và xác định định hướng cụ thể nhằm nâng cao chất lượng bài viết.

Vai trò của phản hồi không chỉ giới hạn ở việc sửa lỗi ngôn ngữ, mà còn mang tính định hướng và phát triển, góp phần thúc đẩy khả năng tự nhận thức, tư duy phản biện và năng lực tự chỉnh sửa văn bản của người học. Trong giảng dạy kỹ năng viết học thuật, phản hồi thường được phân loại thành hai hình thức chính: PHHT và PHND.

PHHT tập trung vào các yếu tố ngôn ngữ của bài viết, bao gồm ngữ pháp, từ vựng, chính tả, dấu câu và cấu trúc câu. Ngược lại, PHND hướng đến việc cải thiện các khía cạnh nội dung và thông điệp của bài viết, như phát triển ý tưởng, tính mạch lạc và logic của lập luận, cấu trúc tổng thể và mức độ đáp ứng yêu cầu của đề bài. Việc phân biệt rõ hai loại phản hồi này là cơ sở quan trọng để xây dựng chiến lược phản hồi hiệu quả trong giảng dạy kỹ năng viết ở bậc đại học.

Sự phân biệt giữa PHHT và PHND bắt nguồn từ những chuyển biến quan trọng trong lý thuyết và phương pháp giảng dạy viết, đặc biệt là sự chuyển dịch từ cách tiếp cận lấy sản phẩm làm trung tâm (product-based approach) sang cách tiếp cận lấy quá trình làm trung tâm (process-based approach).

Trong cách tiếp cận truyền thống, bài viết được xem như một sản phẩm hoàn chỉnh, trong đó sự chuẩn mực về mặt ngôn ngữ được đặt lên hàng đầu. Phản hồi vì thế chủ yếu tập trung vào sửa lỗi ngữ pháp, từ vựng và chính tả – đặc trưng của PHHT. Dưới ảnh hưởng của ngôn ngữ học cấu trúc và tâm lý học hành vi, lỗi được xem là những “thói quen xấu” cần loại bỏ, khiến việc sửa lỗi trở thành nhiệm vụ trọng tâm của người dạy viết (Bitchener & Storch, [10]). Tuy nhiên, từ thập niên 1970 và 1980, cách tiếp cận này bắt đầu vấp phải làn sóng phản biện mạnh mẽ từ các nhà nghiên cứu theo định hướng quá trình. Các học giả như Sommers [11] và Zamel [12] lập luận rằng, việc quá chú trọng đến lỗi ngôn ngữ bề mặt thông qua PHHT có thể làm cản trở sự phát triển tư duy và khả năng biểu đạt ý tưởng của người học. Theo đó, phản hồi nên tập trung vào những yếu tố mang tính ý nghĩa như phát triển ý tưởng, tính logic, mạch lạc và tổ chức nội dung – những nội dung thuộc về PHND – nhằm khuyến khích người học khám phá và định hình tư duy trong suốt quá trình viết.

Cuộc tranh luận về hiệu quả của PHHT, đặc biệt là việc sửa lỗi ngữ pháp, đạt đỉnh điểm với quan điểm gây tranh cãi của Truscott [13], người cho rằng, việc sửa lỗi ngữ pháp không chỉ không hiệu quả mà còn gây hại đến quá trình học viết. Mặc dù, quan điểm này đã bị nhiều nghiên cứu thực nghiệm sau đó phản bác, nhưng lại góp phần thúc đẩy một làn sóng nghiên cứu sâu rộng hơn về bản chất và hiệu quả của các loại phản hồi.

Trong bối cảnh hiện nay, quan điểm sự phạm hiện đại hướng đến sự dung hòa, công nhận rằng cả PHHT và PHND đều có vai trò thiết yếu, song cần được áp dụng một cách có chiến lược và linh hoạt tùy theo giai đoạn viết và mục tiêu học tập của người học [9].

Phản hồi có mối quan hệ mật thiết với đánh giá quá trình (formative assessment), một hình thức đánh giá được

tiến hành trong suốt quá trình học tập nhằm theo dõi tiến độ của người học và cung cấp thông tin phản hồi kịp thời để hỗ trợ cải thiện. Trong bối cảnh này, phản hồi không được xem là công cụ để chấm điểm cuối cùng, mà là một phần thiết yếu của quá trình giảng dạy – học tập, giúp người học hiểu rõ những gì cần thay đổi hoặc hoàn thiện để đạt được mục tiêu học tập đề ra.

Theo Hyland và Hyland [9], phản hồi – đặc biệt là PHND – có vai trò thúc đẩy người học tập trung vào các khía cạnh ý nghĩa và khả năng truyền đạt trong bài viết, từ đó phát triển tư duy bậc cao. Như vậy, phản hồi không chỉ đơn thuần giúp sửa lỗi mà còn tạo điều kiện cho người học nâng cao năng lực học thuật một cách toàn diện, phù hợp với bản chất và mục tiêu của đánh giá quá trình.

Thực tế cho thấy sinh viên có xu hướng mong muốn nhận được phản hồi ở cả giai đoạn viết nháp lẫn bản viết hoàn chỉnh. Điều này phản ánh rõ đặc trưng của mô hình giảng dạy viết theo quá trình (process-oriented writing), trong đó phản hồi được tích hợp xuyên suốt quá trình sáng tạo và hoàn thiện văn bản, đóng vai trò như một “vòng lặp học tập” liên tục giúp người học tự điều chỉnh và cải thiện theo từng bước phát triển của bài viết.

2.2. Đặc điểm thể loại đoạn văn khoa học, kỹ thuật, môi trường

Đoạn văn thuộc các chủ đề khoa học, kỹ thuật và môi trường sở hữu những đặc trưng riêng biệt cả về cấu trúc lẫn nội dung. Về mặt cấu trúc, các đoạn văn này đòi hỏi tính logic cao, trong đó các ý tưởng cần được tổ chức chặt chẽ và liên kết rõ ràng nhằm đảm bảo khả năng tiếp nhận dễ dàng từ phía người đọc. Nội dung của đoạn văn phải tập trung vào việc trình bày bằng chứng tin cậy, kỹ thuật hoặc môi trường một cách chính xác và khách quan. Mặc dù không đòi hỏi độ chuyên sâu như các bài báo đăng trên các tạp chí học thuật chuyên ngành, loại đoạn văn này vẫn yêu cầu tính học thuật ở mức tương đối, thể hiện qua sự nghiêm túc trong cách trình bày và việc sử dụng thuật ngữ chuyên môn phù hợp. Về phương diện diễn đạt, đoạn văn cần đảm bảo sự rõ ràng, mạch lạc, tránh mơ hồ hoặc đa nghĩa. Các luận điểm cần được trình bày ngắn gọn, trực tiếp và được củng cố bằng dẫn chứng cụ thể hoặc lý giải hợp lý. Những yêu cầu này giúp sinh viên không chỉ rèn luyện kỹ năng viết học thuật cơ bản mà còn phát triển tư duy phân tích và khả năng lập luận – những năng lực thiết yếu trong môi trường học thuật và nghề nghiệp hiện đại.

Trong quá trình xây dựng một đoạn văn đạt chuẩn thuộc các chủ đề khoa học, kỹ thuật và môi trường, cả nội dung và hình thức đều đóng vai trò thiết yếu và không thể tách rời. Về mặt nội dung, đoạn văn cần đảm bảo tính chính xác về mặt khoa học, cung cấp thông tin có giá trị, đồng thời trình bày các lập luận một cách logic và có căn cứ rõ ràng. Về mặt hình thức, các yếu tố như ngữ pháp, từ vựng chuyên ngành, cấu trúc câu và cách trình bày phải tuân thủ các chuẩn mực học thuật nhằm đảm bảo tính rõ ràng, mạch lạc và chuyên nghiệp. Bất kỳ sự thiếu hụt nào ở một trong hai khía cạnh – nội dung hoặc hình thức – đều có thể ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng tổng thể của đoạn văn, làm suy giảm hiệu quả truyền đạt thông điệp cũng như tính thuyết phục của bài viết. Tuy nhiên, thực tế giảng dạy cho thấy phản hồi của giảng viên thường tập trung nhiều hơn vào

các lỗi ngôn ngữ bề mặt thay vì góp ý sâu về mặt nội dung như phát triển ý tưởng, tổ chức bố cục hoặc xây dựng lập luận. Sự mất cân đối này có nguy cơ cản trở quá trình phát triển kỹ năng viết học thuật một cách toàn diện ở sinh viên, đặc biệt là trong các thể loại văn bản mang tính phân tích và lập luận.

2.3. Các nghiên cứu đi trước có liên quan

Tác động của các loại phản hồi khác nhau trong giảng dạy viết học thuật đã thu hút sự quan tâm của nhiều học giả. Trong đó, PHHT được xem là một công cụ quan trọng giúp nâng cao độ chính xác ngôn ngữ trong bài viết của sinh viên.

Nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã khẳng định vai trò tích cực của PHHT trong việc cải thiện năng lực sử dụng ngôn ngữ học thuật. Chẳng hạn, Bitchener và Knoch [3] cho thấy, phản hồi tập trung vào các quy tắc ngữ pháp cụ thể có thể mang lại những cải thiện đáng kể và bền vững cho kỹ năng viết của sinh viên. Tương tự, Ferris và Roberts [1] cũng như Ellis [2] đều nhấn mạnh rằng, PHHT đóng vai trò thiết yếu trong việc nâng cao chất lượng ngôn ngữ, đặc biệt ở khía cạnh ngữ pháp và từ vựng học thuật.

Kết quả khảo sát thực tế từ nhiều nghiên cứu cũng phản ánh sự đánh giá cao từ phía sinh viên đối với PHHT, đặc biệt trong việc giúp họ cải thiện độ chính xác ngữ pháp và sử dụng từ vựng phù hợp với ngữ cảnh học thuật. Tuy nhiên, việc quá tập trung vào PHHT cũng có thể dẫn đến những hệ quả không mong muốn. Cụ thể, sinh viên có xu hướng quá chú trọng vào việc tránh mắc lỗi ngôn ngữ, từ đó làm giảm sự tự nhiên trong diễn đạt và kìm hãm khả năng phát triển ý tưởng cũng như tính sáng tạo trong quá trình viết.

Một vấn đề khác được ghi nhận là xu hướng giảng viên thường tập trung nhiều vào lỗi ngữ pháp và cấu trúc câu, trong khi các lỗi như chính tả hoặc dấu câu lại ít được chú ý. Ferris [7] cũng chỉ ra rằng, giảng viên có xu hướng ưu tiên sửa các lỗi toàn cục (global errors) hơn là các lỗi cục bộ (local errors), phản ánh sự lựa chọn có chủ đích trong chiến lược phản hồi nhưng cũng đặt ra yêu cầu về sự cân đối trong quá trình hỗ trợ người học.

PHND được xem là một công cụ sư phạm hiệu quả trong việc thúc đẩy tư duy phản biện và năng lực tổ chức ý tưởng của sinh viên trong quá trình viết học thuật. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, PHND giúp người học tập trung vào những khía cạnh ý nghĩa của văn bản, đồng thời phát triển kỹ năng diễn đạt lập luận một cách mạch lạc và có chiều sâu.

Hyland và Hyland [4] nhấn mạnh rằng, PHND đóng vai trò định hướng người học tiếp cận bài viết như một phương tiện giao tiếp, từ đó nâng cao khả năng tư duy bậc cao và tính tương tác trong văn bản. Thực tiễn cũng cho thấy sinh viên đánh giá cao loại phản hồi này, bởi nó hỗ trợ trực tiếp cho việc phát triển ý tưởng, cải thiện tính mạch lạc, đồng thời giúp họ nhận diện được điểm mạnh và điểm yếu trong quá trình triển khai nội dung bài viết.

Tuy nhiên, PHND cũng tồn tại những hạn chế nhất định. Khi quá chú trọng vào nội dung, giảng viên có thể bỏ sót các lỗi ngôn ngữ quan trọng, từ đó ảnh hưởng đến tính chính xác và độ chuyên nghiệp của văn bản học thuật.

Ngoài ra, Goldstein [5] cảnh báo rằng, nếu PHND không đủ rõ ràng, thiếu các gợi ý cụ thể hoặc không phù hợp với trình độ của người học, sinh viên có thể gặp khó khăn trong việc hiểu, diễn giải và vận dụng phản hồi một cách hiệu quả.

Do đó, để PHND phát huy tác dụng, việc thiết kế phản hồi cần chú trọng đến tính cụ thể, dễ hiểu và phù hợp với nhu cầu thực tiễn của người học. Điều này đặt ra yêu cầu đối với giảng viên trong việc xây dựng chiến lược phản hồi cân đối, kết hợp giữa hỗ trợ phát triển nội dung và đảm bảo tính chính xác ngôn ngữ.

Trước những ưu điểm và hạn chế riêng biệt của từng loại phản hồi, nhiều nhà nghiên cứu đã nhấn mạnh sự cần thiết của việc kết hợp PHHT và PHND trong quá trình hỗ trợ người học phát triển kỹ năng viết học thuật. Bitchener và Ferris [8] cùng với Hyland và Hyland [9] đều ủng hộ mạnh mẽ cách tiếp cận phản hồi tích hợp trong các nghiên cứu về sửa lỗi và phát triển văn bản viết.

Quan điểm này cho rằng, việc đảm bảo sự cân bằng giữa sửa lỗi ngôn ngữ và góp ý phát triển nội dung sẽ tạo điều kiện cho sinh viên cải thiện bài viết một cách toàn diện hơn – vừa nâng cao độ chính xác ngôn ngữ, vừa phát triển tư duy học thuật và khả năng diễn đạt ý tưởng. Cách tiếp cận này không chỉ đáp ứng mục tiêu ngôn ngữ học, mà còn phù hợp với định hướng lấy người học làm trung tâm và các nguyên lý của giảng dạy kỹ năng viết theo quá trình.

Mặc dù tính khả thi và hiệu quả của mô hình phản hồi tích hợp đã được chứng minh trong một số nghiên cứu quốc tế, các nghiên cứu chuyên sâu về việc áp dụng mô hình này trong bối cảnh giảng dạy tiếng Anh tại Việt Nam – đặc biệt là đối với thể loại đoạn văn học thuật ngắn ở bậc đại học – vẫn còn tương đối hạn chế. Khoảng trống nghiên cứu này đặt ra nhu cầu tiếp tục khám phá nhằm phát triển các mô hình phản hồi phù hợp với đặc điểm người học, mục tiêu đào tạo và điều kiện giảng dạy tại địa phương.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nhằm đạt được các mục tiêu nghiên cứu đã đề ra, nghiên cứu này được triển khai theo thiết kế phương pháp hỗn hợp (mixed-methods research design). Phương pháp này cho phép kết hợp những ưu điểm nổi bật của cả hai hướng tiếp cận định lượng và định tính, từ đó cung cấp cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về hiện tượng nghiên cứu. Cụ thể, nghiên cứu tiến hành khảo sát định lượng nhằm thu thập dữ liệu quy mô lớn về thực trạng triển khai phản hồi và nhận thức của sinh viên đối với hai loại phản hồi (PHHT và PHND) trong quá trình viết đoạn văn học thuật ngắn. Đồng thời, phương pháp phân tích nội dung sẽ được sử dụng để đánh giá khách quan các phản hồi thực tế của giảng viên trên bài viết của sinh viên, qua đó làm rõ cách thức phản hồi đang được thực hiện trong thực tiễn giảng dạy. Bên cạnh đó, các cuộc phỏng vấn sâu theo hướng định tính với sinh viên và giảng viên sẽ được tổ chức nhằm khai thác các khía cạnh mang tính trải nghiệm cá nhân, những quan điểm đa chiều và những yếu tố bối cảnh mà các phương pháp khác khó có thể tiếp cận.

Sự phối hợp giữa ba phương pháp – khảo sát định lượng, phân tích nội dung và phỏng vấn định tính – không

chỉ tạo điều kiện kiểm chứng chéo dữ liệu (triangulation), mà còn góp phần nâng cao độ tin cậy và tính xác thực (validity) của kết quả nghiên cứu.

3.2. Đối tượng khảo sát

Đối tượng tham gia vào nghiên cứu này là 100 sinh viên chuyên ngành tiếng Anh năm thứ nhất, hiện đang theo học tại một trường đại học ở thành phố Đà Nẵng. Nhóm đối tượng này được lựa chọn vì đang tham gia học phần “Kỹ năng tiếng Anh B1.4” – một học phần tập trung phát triển kỹ năng viết đoạn văn ngắn theo các chủ đề học thuật thuộc lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và môi trường. Việc lựa chọn sinh viên năm nhất làm đối tượng khảo sát giúp nghiên cứu nắm bắt được nhận thức ban đầu cũng như kỳ vọng của người học khi mới tiếp cận với yêu cầu viết học thuật ở bậc đại học và bắt đầu trải nghiệm các hình thức phản hồi từ giảng viên. Bên cạnh đó, sự đồng đều tương đối về trình độ tiếng Anh trong nhóm sinh viên này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân tích dữ liệu một cách nhất quán và có chiều sâu, từ đó đưa ra những kết luận mang tính khái quát cao hơn đối với đối tượng người học ở cùng giai đoạn.

3.3. Công cụ thu thập dữ liệu

Dữ liệu cho nghiên cứu được thu thập thông qua việc triển khai kết hợp các công cụ khảo sát, phân tích và phỏng vấn. Trước tiên, một bảng câu hỏi khảo sát được thiết kế và sử dụng nhằm thu thập thông tin định lượng từ sinh viên tham gia nghiên cứu. Nội dung bảng hỏi tập trung vào các khía cạnh như mức độ sinh viên tiếp nhận hai loại phản hồi (PHHT và PHND), cảm nhận và đánh giá của các em về hiệu quả của từng loại phản hồi, cũng như những kỳ vọng cụ thể đối với hoạt động phản hồi từ giảng viên.

Bảng hỏi được cấu trúc thành ba phần chính, kết hợp cả câu hỏi đóng và thang đo định lượng:

- Phần 1 sử dụng các câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn nhằm khảo sát thực trạng tiếp nhận phản hồi, loại lỗi thường được phản hồi, hình thức phản hồi (viết tay, đánh máy, trực tiếp hay gián tiếp) và tần suất phản hồi của giảng viên.

- Phần 2 áp dụng thang đo Likert 5 mức độ để đo lường nhận thức của sinh viên về lợi ích, khả năng ứng dụng, cũng như trải nghiệm cá nhân liên quan đến PHHT và PHND.

- Phần 3 bao gồm các câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi mở nhằm tìm hiểu hành vi, mong đợi và đề xuất của sinh viên đối với việc nhận phản hồi trong quá trình viết đoạn văn học thuật.

Bảng câu hỏi được kiểm định sơ bộ (pilot testing) với một nhóm nhỏ sinh viên ($n = 10$) để điều chỉnh ngôn ngữ, cấu trúc và đảm bảo tính rõ ràng, phù hợp với trình độ người học trước khi đưa vào sử dụng chính thức.

Bên cạnh bảng câu hỏi khảo sát, các buổi phỏng vấn nhóm được tổ chức với sự tham gia của cả sinh viên và giảng viên nhằm thu thập dữ liệu định tính bổ sung. Bộ câu hỏi phỏng vấn được thiết kế chủ yếu theo hình thức câu hỏi mở, cho phép người tham gia trình bày trải nghiệm thực tế, so sánh và đánh giá các loại phản hồi (PHHT và PHND), đồng thời lý giải quan điểm cá nhân về hiệu quả và kỳ vọng đối với từng hình thức phản hồi. Việc sử dụng câu hỏi mở giúp người nghiên cứu không chỉ nắm bắt được sinh viên

và giảng viên *nghe* gì, mà còn hiểu *vì sao* họ có những nhận thức, hành vi và kỳ vọng như vậy. Cách tiếp cận này cho phép khám phá sâu các khía cạnh cảm xúc, thái độ và ngữ cảnh mà các phương pháp định lượng khó có thể phản ánh đầy đủ, từ đó cung cấp một cái nhìn toàn diện hơn về hiện tượng nghiên cứu. Mục tiêu chính của các buổi phỏng vấn là khai thác các yếu tố định tính để lý giải rõ hơn những xu hướng và phát hiện từ dữ liệu khảo sát, làm sáng tỏ trải nghiệm cá nhân trong quá trình tiếp nhận và cung cấp phản hồi, cũng như ghi nhận những đề xuất cải tiến từ cả người dạy và người học.

Phỏng vấn được thực hiện theo hình thức nhóm nhỏ (focus group) với sinh viên, và phỏng vấn bán cấu trúc (semi-structured interview) với giảng viên, giúp tạo không gian trao đổi linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo tính định hướng cần thiết cho mục tiêu nghiên cứu.

3.4. Xây dựng và kiểm nghiệm công cụ thu thập dữ liệu

Mặc dù bảng câu hỏi được phát triển riêng cho bối cảnh nghiên cứu cụ thể này, nội dung và cấu trúc chung của công cụ đã được điều chỉnh có chọn lọc trên cơ sở tham khảo các nghiên cứu đi trước trong lĩnh vực phản hồi dạy viết tiếng Anh. Cụ thể, các khung khái niệm về PHHT và PHND do Hyland và Hyland [9] cùng Bitchener và Ferris [8] đề xuất đã cung cấp nền tảng lý thuyết vững chắc để định hướng việc thiết kế các nhóm câu hỏi xoay quanh hai loại phản hồi này. Các mục hỏi liên quan đến tần suất tiếp nhận phản hồi và kỳ vọng về hình thức phản hồi được xây dựng dựa trên các phát hiện của Sheen [6] về phản hồi tường minh và nghiên cứu của Ferris [7] về sự ưu tiên lỗi trong thực hành phản hồi của giảng viên. Đồng thời, tất cả các câu hỏi đều được soạn thảo trên cơ sở bám sát mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu, đảm bảo thu thập dữ liệu phù hợp và có giá trị phân tích. Ngôn ngữ sử dụng trong bảng câu hỏi được chuẩn hóa bằng tiếng Việt nhằm đảm bảo tính dễ hiểu, tăng tính chính xác và giảm thiểu sai lệch trong quá trình sinh viên tự điền. Một phiên bản nháp của bảng hỏi đã được triển khai thử nghiệm với một nhóm nhỏ sinh viên (không thuộc mẫu chính thức) nhằm kiểm tra độ rõ ràng của câu hỏi, mức độ dễ hiểu của từ ngữ, cũng như thời lượng cần thiết để hoàn thành bảng khảo sát. Trên cơ sở các góp ý từ nhóm thử nghiệm, một số hạng mục đã được điều chỉnh, làm rõ hoặc sắp xếp lại để đảm bảo tính nhất quán, độ tin cậy và hiệu lực nội dung (content validity) của công cụ khảo sát trước khi đưa vào triển khai chính thức.

Các buổi phỏng vấn nhóm được tổ chức với sự tham gia của cả sinh viên và giảng viên, sử dụng bộ câu hỏi được thiết kế theo hình thức câu hỏi mở nhằm khuyến khích người tham gia chia sẻ sâu các trải nghiệm cá nhân, quan điểm chuyên môn và kỳ vọng thực tế liên quan đến hai loại phản hồi PHHT và PHND. Việc xây dựng bộ câu hỏi phỏng vấn tuân theo nguyên tắc “phễu” trong thiết kế công cụ định tính, bắt đầu từ các câu hỏi mang tính tổng quát để tạo sự thoải mái cho người tham gia, sau đó dần chuyển sang các câu hỏi cụ thể hơn, tập trung vào những tình huống thực tế, hành vi cụ thể và lý do đằng sau các nhận định. Cách tiếp cận này không chỉ giúp tạo dựng bầu không khí phỏng vấn cởi mở, mà còn cho phép khai thác những thông tin nhạy cảm hoặc có chiều sâu, vốn thường không thể tiếp cận

thông qua bảng hỏi định lượng. Mục tiêu chính của các buổi phỏng vấn là khám phá cơ sở nhận thức và động cơ hành vi của người học và người dạy – tức là lý giải *tại sao* các em có những cảm nhận và kỳ vọng như vậy về phản hồi – từ đó cung cấp các dữ liệu định tính có chiều sâu nhằm bổ sung, kiểm chứng và lý giải các kết quả định lượng đã thu được.

3.5. Độ tin cậy và độ giá trị của công cụ thu thập dữ liệu

Độ tin cậy của bảng câu hỏi, đặc biệt ở các mục sử dụng thang đo Likert, được đánh giá thông qua chỉ số Cronbach’s Alpha. Sau khi dữ liệu được thu thập, phân tích thống kê sẽ được tiến hành bằng phần mềm SPSS nhằm tính toán giá trị Cronbach’s Alpha cho từng cụm thang đo, từ đó xác định mức độ nhất quán nội tại của các mục hỏi trong cùng một nhóm khái niệm. Trong nghiên cứu khoa học xã hội, giá trị Cronbach’s Alpha từ 0,70 trở lên được xem là chấp nhận được và phản ánh mức độ tin cậy tốt của công cụ đo lường. Điều này đảm bảo rằng các câu hỏi trong mỗi thang đo đang cùng đo lường một khái niệm theo cách nhất quán và đáng tin cậy.

Bên cạnh độ tin cậy, giá trị nội dung của bảng hỏi được đảm bảo thông qua quá trình xây dựng dựa trên nền tảng lý thuyết vững chắc về phản hồi trong giảng dạy kỹ năng viết ([8], [9]), cũng như các nghiên cứu liên quan đến đặc điểm của đoạn văn thuộc các chủ đề khoa học, kỹ thuật và môi trường. Bảng câu hỏi đã được rà soát và góp ý bởi các giảng viên và chuyên gia trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh và đo lường đánh giá giáo dục, nhằm đảm bảo tính bao quát, tính phù hợp về nội dung, cũng như khả năng đo lường hiệu quả các mục tiêu nghiên cứu.

Đối với dữ liệu định tính, độ tin cậy được nâng cao thông qua kỹ thuật “tam giác hóa” (triangulation), kết hợp ba nguồn dữ liệu: khảo sát định lượng, phỏng vấn sâu và phân tích nội dung phản hồi thực tế của giảng viên. Các cuộc phỏng vấn được ghi âm đầy đủ, chuyển ngữ chính xác và xử lý theo phương pháp phân tích chủ đề (thematic analysis). Quá trình mã hóa dữ liệu được tiến hành có hệ thống, giúp xác định và tổ chức các chủ đề và tiêu chủ đề một cách nhất quán, đồng thời đảm bảo tính lặp lại (replicability) và khách quan trong diễn giải kết quả.

3.6. Phân tích dữ liệu

Sau khi hoàn tất quá trình thu thập, dữ liệu nghiên cứu sẽ được xử lý và phân tích bằng các công cụ và phương pháp phù hợp với từng loại dữ liệu.

Đối với dữ liệu định lượng thu được từ bảng câu hỏi khảo sát, phần mềm thống kê SPSS (phiên bản 27) sẽ được sử dụng để thực hiện các phân tích cần thiết. Trước hết, các thống kê mô tả như tần suất, tỷ lệ phần trăm và giá trị trung bình sẽ được áp dụng nhằm khái quát hóa đặc điểm của mẫu khảo sát và mô tả các xu hướng chính trong dữ liệu. Các phép kiểm định độ tin cậy nội tại (Cronbach’s Alpha) cũng sẽ được tiến hành nhằm đánh giá mức độ nhất quán của các thang đo Likert được sử dụng.

Đối với dữ liệu định tính thu thập từ các câu trả lời mở trong bảng khảo sát cũng như từ các bản ghi âm và ghi chép tại các buổi phỏng vấn nhóm, phương pháp phân tích chủ đề (thematic analysis) sẽ được áp dụng. Quá trình phân tích bao gồm các bước: đọc kỹ toàn bộ dữ liệu, xác định các

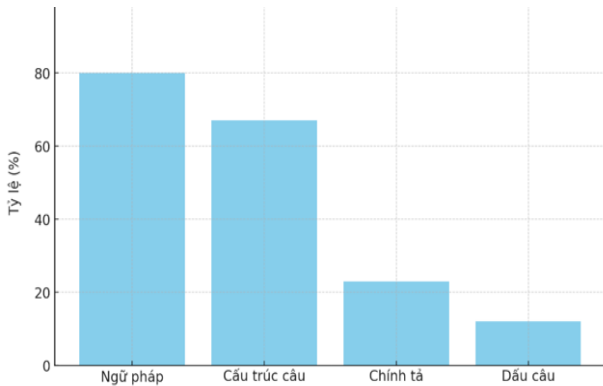
đơn vị ý nghĩa, mã hóa và phân loại các đơn vị này thành các chủ đề và tiêu chủ đề nổi bật, sau đó tổng hợp và diễn giải để làm rõ các mô hình, xu hướng, cũng như những trải nghiệm, quan điểm và kỳ vọng điển hình của người học và giảng viên trong quá trình tiếp nhận và cung cấp phản hồi.

Sự kết hợp giữa phân tích định lượng và định tính không chỉ giúp kiểm chứng chéo (cross-validation) các kết quả, mà còn tạo điều kiện để lý giải sâu sắc các hiện tượng được quan sát, từ đó tăng cường độ tin cậy và giá trị giải thích của nghiên cứu.

4. Kết quả và bàn luận

4.1. Thực trạng triển khai phản hồi trong dạy học viết đoạn văn học thuật ngắn

4.1.1. Sự thiên lệch trong PHHT: Ưu tiên lỗi ngữ pháp và hệ quả



Hình 1. Tần suất nhận PHHT theo loại lỗi

Kết quả khảo sát cho thấy, giảng viên có xu hướng tập trung đáng kể vào các lỗi liên quan đến ngữ pháp (với 80% sinh viên cho biết thường xuyên nhận được phản hồi về lỗi này) và cấu trúc câu (67%), trong khi các lỗi như chính tả (23%) và dấu câu (10%) lại ít được chú trọng hơn. Sự ưu tiên này có thể bắt nguồn từ quan niệm phổ biến trong giảng dạy ngôn ngữ rằng ngữ pháp là “xương sống” của năng lực viết, và việc nắm vững ngữ pháp là điều kiện tiên quyết để đạt được độ chính xác trong diễn đạt.

Kết quả này cũng phù hợp với kết luận của Bitchener và Knoch [3], khi hai tác giả khẳng định rằng phản hồi tập trung vào các quy tắc ngữ pháp cụ thể có thể mang lại cải thiện rõ rệt và bền vững đối với độ chính xác ngôn ngữ trong bài viết của người học. Tuy nhiên, việc thiếu quan tâm đến các lỗi mang tính cục bộ như chính tả hay mạo từ có thể dẫn đến sự thiếu tỉ mỉ trong văn bản học thuật, từ đó ảnh hưởng đến tính chuyên nghiệp và sự chính xác tổng thể, vốn là những yêu cầu quan trọng trong viết học thuật.

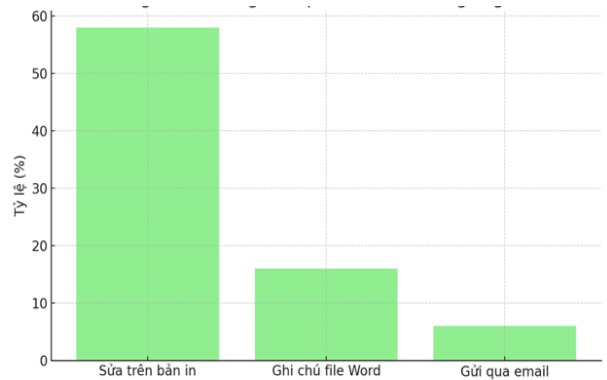
Kết quả này cũng phản ánh một dạng “phân cấp mức độ nghiêm trọng của lỗi” (error gravity) trong nhận thức của giảng viên, theo đó các lỗi ngữ pháp và cấu trúc câu được đánh giá là nghiêm trọng hơn vì chúng được cho là ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng hiểu của người đọc. Điều này được Ferris [7] đề cập trong nghiên cứu của mình, khi bà chỉ ra rằng giảng viên thường tập trung vào các lỗi toàn cục (global errors) hơn là lỗi cục bộ (local errors), do ảnh hưởng của chúng đến tính mạch lạc và thông điệp chính của bài viết.

4.1.2. Phản hồi thủ công: Sự ưa chuộng truyền thống và rào cản công nghệ

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn giảng viên vẫn ưa chuộng phương pháp phản hồi truyền thống bằng cách sửa trực tiếp trên bản in (58%). Việc lựa chọn hình thức này có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Thứ nhất, đây là phương pháp đã trở nên quen thuộc qua nhiều thế hệ giảng viên và sinh viên, được xem như một “chuẩn mực” trong giảng dạy viết. Thứ hai, trong bối cảnh cơ sở vật chất còn hạn chế hoặc sĩ số lớp học lớn, hình thức in bài và sửa tay được đánh giá là tiện lợi, dễ triển khai và ít phụ thuộc vào hạ tầng công nghệ.

Tuy nhiên, phương pháp phản hồi thủ công bộc lộ một số hạn chế nhất định, đặc biệt là trong việc lưu trữ, tra cứu lại phản hồi và tạo điều kiện cho tương tác giữa giảng viên và sinh viên. Các nghiên cứu gần đây, chẳng hạn như của Ware và O’Dowd [14] về việc sử dụng blog trong giảng dạy viết, hay Ho và Savignon [15] về phản hồi qua email, đã nhấn mạnh vai trò của công nghệ trong việc nâng cao tính tương tác, khả năng cá nhân hóa và hiệu quả tiếp nhận phản hồi từ phía người học.

Dữ liệu khảo sát cho thấy tỷ lệ giảng viên ứng dụng các công cụ số trong phản hồi vẫn còn rất thấp, với chỉ 16% sử dụng tính năng ghi chú trong Microsoft Word và 6% phản hồi qua email. Sự chậm trễ này có thể bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân: thiếu các chương trình đào tạo kỹ năng công nghệ, hạn chế về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hoặc đơn giản là do thói quen giảng dạy truyền thống chưa được thay đổi. Điều này phản ánh sự cần thiết phải có hỗ trợ chuyên môn và kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực số của giảng viên, qua đó tận dụng được những lợi thế mà phản hồi điện tử mang lại trong bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục ngôn ngữ hiện nay.



Hình 2. Phương thức PHHT của giảng viên

4.1.3. PHND: Tác động tích cực và những trở ngại trong tiếp nhận

Kết quả khảo sát cho thấy, sinh viên có nhận thức rõ ràng về vai trò quan trọng của PHND trong việc nâng cao chất lượng bài viết. Cụ thể, PHND được đánh giá là có hiệu quả trong việc phát triển và mở rộng ý tưởng, tăng cường tính mạch lạc, giúp người học nhận diện điểm mạnh và điểm yếu trong triển khai nội dung, đồng thời thúc đẩy tư duy phản biện và khả năng sắp xếp lập luận một cách logic. Những phát hiện này phù hợp với lập luận của Hyland và Hyland [4], khi hai tác giả cho rằng, PHND giúp sinh viên

hướng sự chú ý vào các khía cạnh ý nghĩa và mục đích giao tiếp của bài viết, từ đó khuyến khích sự phát triển tư duy ở bậc cao hơn.

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích đã được ghi nhận, một tỷ lệ đáng kể sinh viên cũng thừa nhận gặp khó khăn khi áp dụng PHND để sửa lỗi bài viết. Những trở ngại này có thể bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân. Thứ nhất, việc xử lý PHND đòi hỏi người học phải huy động khả năng tư duy trừu tượng, khả năng phân tích và tái cấu trúc ý tưởng - những kỹ năng vốn phức tạp hơn so với việc sửa lỗi ngôn ngữ đơn thuần. Thứ hai, PHND đôi khi có thể được trình bày một cách khái quát, mang tính chủ quan hoặc thiếu định hướng cụ thể, khiến sinh viên khó hiểu và lúng túng trong việc thực hiện điều chỉnh. Goldstein [5] cũng đã nhấn mạnh rằng sinh viên có thể gặp khó khăn trong việc diễn giải và áp dụng PHND khi phản hồi không được trình bày rõ ràng hoặc không đi kèm với các gợi ý cụ thể mang tính xây dựng. Thực trạng này cho thấy mặc dù PHND có tiềm năng lớn trong việc cải thiện chất lượng viết học thuật, nhưng để phát huy hiệu quả, cần có những chiến lược phản hồi phù hợp với ngôn ngữ dễ hiểu, hướng dẫn rõ ràng và gợi mở các cách thức chỉnh sửa cụ thể, đồng thời tăng cường đào tạo cho người học về cách tiếp nhận và khai thác phản hồi một cách hiệu quả.

4.2. Nhận thức của sinh viên đối với PHHT và PHND

4.2.1. Nhận thức tích cực và kỳ vọng về tính tường minh của PHHT

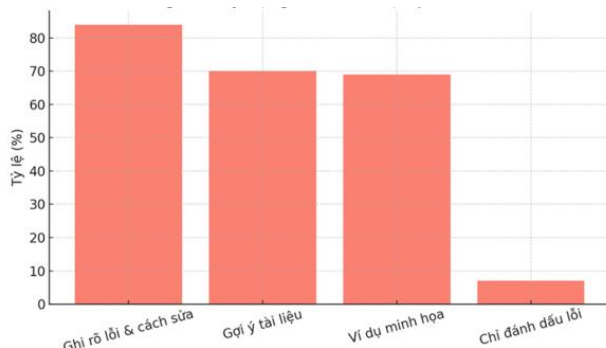
Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên có nhận thức tích cực rõ rệt về vai trò của PHHT trong việc cải thiện độ chính xác ngôn ngữ của bài viết. Cụ thể, PHHT được đánh giá là công cụ hiệu quả giúp nâng cao khả năng sử dụng ngữ pháp chính xác, mở rộng vốn từ vựng học thuật và tăng sự tự tin khi viết. Nhận định này hoàn toàn phù hợp với các kết luận từ các công trình nghiên cứu trước như của Ellis [2] hay Ferris và Roberts [1], vốn khẳng định PHHT đóng vai trò thiết yếu trong việc nâng cao chất lượng ngôn ngữ học thuật của người học.

Một phát hiện đáng chú ý từ dữ liệu khảo sát là sinh viên thể hiện kỳ vọng rất rõ ràng đối với tính tường minh và tính xây dựng của PHHT. Có đến 84% sinh viên mong muốn giảng viên “ghi rõ lỗi và cách sửa”, 70% kỳ vọng được “gợi ý thêm tài liệu học/ngữ pháp” và 69% đề xuất việc “nêu ví dụ minh họa” cụ thể. Ngược lại, cách phản hồi chỉ dừng lại ở mức “đánh dấu lỗi mà không kèm giải thích” bị phản đối mạnh mẽ, với tỷ lệ đồng thuận chỉ ở mức 7%. Điều này cho thấy sinh viên không chỉ cần biết *mình sai ở đâu*, mà quan trọng hơn là *hiểu tại sao sai* và *làm thế nào để sửa đúng*, từ đó khẳng định vai trò dẫn dắt của giảng viên trong quá trình phát triển kỹ năng viết.

Phát hiện trên hoàn toàn tương thích với nghiên cứu của Sheen [6], người đã so sánh hiệu quả của phản hồi tường minh trực tiếp và phản hồi gián tiếp trong giảng dạy viết. Kết quả cho thấy cả hai hình thức phản hồi đều có tác dụng tích cực, song phản hồi tường minh có kèm theo giải thích ngữ pháp cụ thể thường mang lại hiệu quả bền vững hơn trong việc cải thiện năng lực viết của người học.

Kỳ vọng cao của sinh viên đối với PHHT cũng phản ánh một nhu cầu rõ ràng về việc được hỗ trợ có hệ thống

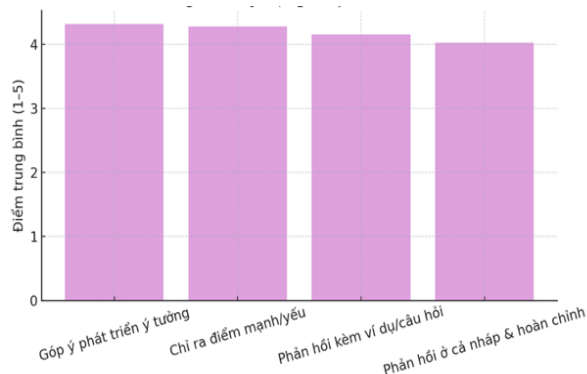
(scaffolding) trong quá trình học. Các phản hồi không chỉ đóng vai trò điều chỉnh lỗi, mà còn trở thành một hình thức hướng dẫn học tập, giúp sinh viên tiếp cận và tiếp thu kiến thức một cách có định hướng. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng mặc dù phần lớn sinh viên sẵn sàng sửa lỗi theo hướng dẫn, họ lại chưa chủ động trong việc tìm hiểu sâu hơn về các quy tắc ngôn ngữ hoặc nguồn tài liệu liên quan. Điều này cho thấy bản thân PHHT, dù được trình bày đầy đủ và chi tiết, vẫn cần được tích hợp với các chiến lược thúc đẩy sự chủ động học tập và phát triển năng lực tự học của sinh viên, nhằm đạt được hiệu quả lâu dài trong việc hình thành kỹ năng viết học thuật.



Hình 3. Kỳ vọng của sinh viên về cách thức cung cấp PHHT

4.2.2. Kỳ vọng về PHND sâu sắc và hỗ trợ phát triển ý tưởng

Kết quả khảo sát phản ánh rõ nét kỳ vọng cao của sinh viên đối với PHND như một công cụ hỗ trợ phát triển tư duy và nâng cao chất lượng lập luận trong bài viết. Cụ thể, sinh viên bày tỏ mong muốn mạnh mẽ được “nhận góp ý rõ ràng về cách phát triển ý tưởng”, được “PHND ở cả giai đoạn viết nháp và bài hoàn chỉnh”, giảng viên “chỉ ra điểm mạnh và điểm cần cải thiện trong lập luận”, và “cung cấp PHND đi kèm với gợi ý ví dụ hoặc câu hỏi định hướng”. Các số liệu này cho thấy sinh viên không đơn thuần mong nhận được đánh giá tổng thể, mà kỳ vọng được tham gia vào một quá trình phản hồi mang tính đối thoại và định hướng phát triển rõ ràng.



Hình 4. Kỳ vọng của sinh viên về cách thức cung cấp PHND

Những kỳ vọng nói trên hoàn toàn phù hợp với cách tiếp cận giảng dạy viết theo quy trình (process-oriented approach), trong đó phản hồi được xem là một phần không thể thiếu trong suốt tiến trình tạo lập văn bản, đặc biệt là ở giai đoạn hình thành và chỉnh sửa nội dung [16]. Việc sinh viên mong muốn nhận phản hồi ở cả giai

đoạn viết nháp và bài hoàn chỉnh cho thấy sự nhận thức sâu sắc về vai trò của phản hồi trong việc phát triển bài viết toàn diện, không chỉ giới hạn ở khâu hoàn thiện ngôn ngữ cuối cùng.

Đáng chú ý, một tỷ lệ lớn sinh viên thể hiện mong muốn PHND chiếm tỷ trọng bằng hoặc lớn hơn PHHT trong quá trình giảng dạy viết học thuật. Đây là một chuyển biến nhận thức quan trọng, phản ánh sự trưởng thành trong tư duy học thuật của người học. Họ đã bắt đầu đánh giá cao tầm quan trọng của nội dung, tính logic trong lập luận và khả năng trình bày ý tưởng sáng tạo, thay vì chỉ tập trung vào sự chính xác ngôn ngữ thuần túy. Nhận thức này cũng cho thấy sinh viên ngày càng coi trọng việc viết như một công cụ để biểu đạt tư duy độc lập và tạo lập tri thức, thay vì chỉ là một kỹ năng kỹ thuật cần đạt độ chính xác ngôn ngữ.

Tuy nhiên, việc triển khai PHND hiệu quả đòi hỏi giảng viên cần đầu tư thời gian, kỹ năng hướng dẫn và khả năng xây dựng phản hồi mang tính định hướng cao. Các góp ý cần cụ thể, có dẫn chứng hoặc gợi ý rõ ràng, đồng thời được lồng ghép trong một quá trình phản hồi liên tục để sinh viên có thể từng bước nâng cao kỹ năng diễn đạt và tổ chức nội dung bài viết.

4.3. Sự cần thiết của mô hình phản hồi tích hợp trong kiểm tra đánh giá đoạn văn học thuật ngắn

Dữ liệu thu thập từ các cuộc phỏng vấn giảng viên cho thấy sự đồng thuận cao về tầm quan trọng và tính hỗ trợ lẫn nhau giữa PHHT và PHND trong giảng dạy viết học thuật. Hầu hết giảng viên chia sẻ rằng họ có xu hướng ưu tiên PHND trong giai đoạn bản nháp, nhằm giúp sinh viên phát triển và tổ chức ý tưởng, trong khi PHHT được tập trung ở bản viết hoàn chỉnh để hoàn thiện về mặt ngôn ngữ. Cách tiếp cận này hoàn toàn phù hợp với các khuyến nghị từ các nghiên cứu lý luận và thực tiễn về phản hồi trong dạy viết ([8], [9]), nhấn mạnh rằng việc xây dựng nội dung chặt chẽ là điều kiện tiên quyết trước khi tối ưu hóa ngôn ngữ biểu đạt.

Tuy nhiên, giảng viên cũng thừa nhận những khó khăn nhất định trong việc duy trì sự cân bằng giữa hai loại phản hồi này, đặc biệt trong bối cảnh lớp học đông, trình độ sinh viên không đồng đều và khối lượng công việc lớn. Đây là những thách thức phổ biến từng được ghi nhận trong nhiều nghiên cứu trước đó ([17], [18]), cho thấy nhu cầu cấp thiết về những giải pháp hỗ trợ giảng viên trong thực hành phản hồi hiệu quả và bền vững.

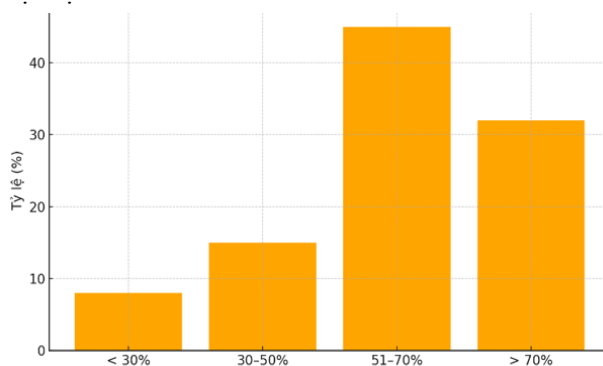
Một số giảng viên trong nghiên cứu đã chia sẻ kinh nghiệm áp dụng các biện pháp cải tiến nhằm vượt qua những trở ngại này, chẳng hạn như sử dụng bảng tiêu chí đánh giá (rubric) tích hợp giữa nội dung và hình thức, cung cấp ví dụ minh họa rõ ràng cho từng tiêu chí, cũng như khuyến khích hoạt động phản hồi đồng đẳng (peer feedback). Những cách làm này không chỉ giúp tối ưu hóa thời gian phản hồi, mà còn tăng tính minh bạch, tính nhất quán và thúc đẩy khả năng tự đánh giá của sinh viên. Đây cũng là những giải pháp được khuyến nghị trong các công trình nghiên cứu về đổi mới phản hồi trong giáo dục ngôn ngữ [19].

Từ những kết quả khảo sát và phân tích, có thể khẳng định rằng việc xây dựng và triển khai một mô hình phản hồi tích hợp, kết hợp hợp lý giữa PHHT và PHND theo từng giai đoạn của quá trình viết, là hoàn toàn cần thiết. Mô hình này không chỉ đáp ứng kỳ vọng đa dạng của người học, mà còn hỗ trợ giảng viên trong việc tối ưu hóa hoạt động kiểm tra – đánh giá kỹ năng viết học thuật theo hướng toàn diện và hiệu quả hơn.

4.4. Tỷ trọng linh hoạt giữa PHHT và PHND trong mô hình phản hồi tích hợp

Phân tích dữ liệu cho thấy nhu cầu điều chỉnh linh hoạt và cân bằng giữa PHHT và PHND là điều cần thiết. Mặc dù, phần lớn sinh viên mong muốn PHHT chiếm từ 51-70% tổng số phản hồi, nhưng khi chuyển sang bối cảnh bài viết học thuật chuyên sâu, họ lại kỳ vọng PHND chiếm tỷ trọng tương đương hoặc cao hơn. Điều này phản ánh nhu cầu thay đổi tỷ trọng phản hồi tùy theo mục tiêu và giai đoạn của quá trình viết: PHHT nên được ưu tiên trong giai đoạn đầu hoặc ở các bài tập rèn luyện ngôn ngữ, trong khi PHND cần được đầu tư nhiều hơn ở các bài viết học thuật, nhằm thúc đẩy tư duy phản biện và năng lực triển khai ý tưởng.

Trên cơ sở đó, việc đề xuất một mô hình phản hồi tích hợp hiệu quả cần tính đến ba yếu tố cốt lõi: (1) phản hồi theo giai đoạn (PHND cho bản nháp, PHHT chỉ tiết cho bản hoàn chỉnh), (2) đa dạng hóa phương thức (trực tiếp – số hóa – đồng đẳng), và (3) cá nhân hóa phản hồi với ngôn ngữ rõ ràng, cụ thể, dễ tiếp nhận. Mô hình này không chỉ đáp ứng mong đợi thực tiễn của sinh viên – như phản hồi kèm ví dụ minh họa, gợi ý tài liệu bổ sung, tăng cường sử dụng công cụ số – mà còn phù hợp với nguyên lý của các phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm và hướng đến phát triển năng lực tự học. Đặc biệt, việc lồng ghép các yếu tố khuyến khích người học chủ động tra cứu và tích lũy kiến thức sẽ góp phần nuôi dưỡng năng lực học tập suốt đời – một năng lực thiết yếu trong giáo dục đại học hiện đại.



Hình 5. Kỳ vọng của sinh viên về tỷ trọng giữa PHHT và PHND

5. Kết luận và kiến nghị

5.1. Kết luận

Trên cơ sở phân tích dữ liệu và các kết quả nghiên cứu đã trình bày, có thể khẳng định rằng việc áp dụng một mô hình phản hồi tích hợp – kết hợp hài hòa giữa phản hồi tập trung vào hình thức (PHHT) và phản hồi tập trung vào nội

dùng (PHND) – là một giải pháp cần thiết và có hiệu quả rõ rệt trong việc nâng cao kỹ năng viết đoạn văn học thuật ngắn của sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh.

Cách tiếp cận tích hợp này đặc biệt phát huy tác dụng khi sinh viên thực hành viết về các chủ đề khoa học, kỹ thuật và môi trường – những lĩnh vực đòi hỏi độ chính xác ngôn ngữ cao đồng thời với tính mạch lạc và chiều sâu của lập luận. PHHT giúp cải thiện độ chính xác ngữ pháp, vốn từ và hình thức diễn đạt; trong khi đó, PHND đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển tư duy phản biện, cấu trúc lập luận và tính kết nối nội dung. Phản hồi tích hợp, nếu được thực hiện đúng thời điểm và đúng cách, không chỉ nâng cao chất lượng bài viết mà còn thúc đẩy nhận thức, sự tự tin và khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

5.2. Kiến nghị

5.2.1. Đối với Khoa/Bộ môn

- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá đoạn văn học thuật một cách rõ ràng và chi tiết, bao gồm các thành phần về hình thức (ngữ pháp, từ vựng, chính tả, cấu trúc câu) và nội dung (ý tưởng, tính mạch lạc, tính lập luận, cấu trúc đoạn). Bộ tiêu chí này sẽ là công cụ hữu hiệu giúp giảng viên phản hồi nhất quán, đồng thời hỗ trợ sinh viên hiểu rõ các yêu cầu học thuật.

- Tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo chuyên đề về phương pháp phản hồi hiệu quả, đặc biệt là PHND – vốn đòi hỏi kỹ năng sư phạm cao và sự hướng dẫn có chiến lược. Các chuyên đề có thể bao gồm: sử dụng phản hồi xây dựng, phản hồi theo giai đoạn viết, tích hợp công nghệ vào phản hồi, v.v.

- Khuyến khích áp dụng công nghệ số trong hoạt động phản hồi, chẳng hạn như nhận xét trực tiếp trên phần mềm Word, sử dụng công cụ đánh giá số hoặc hệ thống quản lý học tập (LMS), nhằm nâng cao tính tương tác, khả năng lưu trữ và cá nhân hóa trong phản hồi.

5.2.2. Đối với Giảng viên

- Áp dụng linh hoạt và có chiến lược các phương pháp phản hồi, kết hợp giữa việc nhận xét lỗi ngôn ngữ và góp ý phát triển nội dung, tổ chức đoạn và lập luận. Ưu tiên PHND ở giai đoạn bản nháp để khuyến khích tư duy và sáng tạo, trong khi PHHT nên được sử dụng ở giai đoạn hoàn chỉnh nhằm hoàn thiện bài viết về mặt ngôn ngữ.

- Khuyến khích sự tham gia tích cực của sinh viên trong quá trình phản hồi thông qua các hoạt động như phản hồi đồng đẳng (peer feedback), tự phản hồi (self-feedback) có định hướng và phản hồi theo cặp.

- Cá nhân hóa phản hồi bằng cách nêu ví dụ cụ thể, đưa ra gợi ý học tập hoặc tài liệu tham khảo phù hợp với từng người học. Đồng thời, cần chú trọng đến tính tường minh, sự xây dựng và khuyến khích học tập từ phản hồi, không chỉ đơn thuần sửa lỗi.

5.2.3. Đối với Sinh viên

- Nâng cao nhận thức về phản hồi như một công cụ học tập có giá trị, giúp cải thiện toàn diện kỹ năng viết, không chỉ ở mức hình thức mà còn ở năng lực tổ chức ý tưởng và phát triển lập luận.

- Chủ động tiếp nhận và khai thác phản hồi, đặt câu hỏi, suy ngẫm và áp dụng phản hồi một cách có chiến lược trong các lần viết tiếp theo. Sinh viên cần xem phản hồi là cơ hội để học hỏi và tự hoàn thiện, thay vì chỉ là đánh giá mang tính kiểm tra.

- Phát triển năng lực tự học, bằng cách tra cứu tài liệu, tìm hiểu các vấn đề ngôn ngữ/nội dung được phản hồi, và tích cực tham gia vào các hoạt động phản hồi đồng đẳng, từ đó xây dựng tư duy phản biện và khả năng đánh giá học thuật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] D. R. Ferris and B. Roberts, "Error feedback in L2 writing classes: How explicit does it need to be?", *Journal of Second Language Writing*, vol. 10, no. 3, pp. 161-184, 2001.
- [2] R. Ellis, "A typology of written corrective feedback types", *ELT Journal*, vol. 63, no. 2, pp. 97-107, 2009.
- [3] J. Bitchener and U. Knoch, "The contribution of written corrective feedback to language development: A ten-month investigation", *Applied Linguistics*, vol. 31, no. 2, pp. 193-214, 2010.
- [4] K. Hyland and F. Hyland, Eds., *Feedback in Second Language Writing: Contexts and Issues*. Cambridge, UK: Cambridge University Press, 2006.
- [5] L. M. Goldstein, "Questions and comments: An exploration of written teacher response" in *Teacher Written Commentary in Second Language Writing Classrooms*, L. M. Goldstein, Ed. The University of Michigan Press, 2004, pp. 57-83.
- [6] Y. Sheen, "The effect of focused written corrective feedback and language aptitude on ESL learners' acquisition of articles", *TESOL Quarterly*, vol. 41, no. 2, pp. 255-283, 2007.
- [7] D. R. Ferris, "The 'grammar correction' debate in L2 writing: Where are we, and where do we go from here? (and what do we do in the meantime...?)", *Journal of Second Language Writing*, vol. 13, no. 1, pp. 49-62, 2004.
- [8] J. Bitchener and D. R. Ferris, *Written Corrective Feedback in Second Language Acquisition and Writing*. Routledge, 2012.
- [9] K. Hyland and F. Hyland, Eds., *Feedback in Second Language Writing: Contexts and Issues*, 2nd ed. Cambridge University Press, 2019.
- [10] J. Bitchener and N. Storch, *Written Corrective Feedback for L2 Development*. Multilingual Matters, 2016.
- [11] N. Sommers, "Responding to student writing", *College Composition and Communication*, vol. 33, no. 2, pp. 148-156, 1982.
- [12] V. Zamel, "Responding to student writing", *TESOL Quarterly*, vol. 19, no. 1, pp. 79-101, 1985.
- [13] J. Truscott, "The case against grammar correction in L2 writing classes", *Language Learning*, vol. 46, no. 2, pp. 327-369, 1996.
- [14] P. D. Ware and R. O'Dowd, "Peer feedback on language form in telecollaboration", *Language Learning & Technology*, vol. 12, no. 1, pp. 43-63, 2008.
- [15] M. C. Ho and S. J. Savignon, "Face-to-face and computer-mediated peer review in EFL writing", *CALICO Journal*, vol. 24, no. 2, pp. 269-290, 2007.
- [16] L. Flower and J. R. Hayes, "A cognitive process theory of writing", *College Composition and Communication*, vol. 32, no. 4, pp. 365-387, 1981.
- [17] C. Evans, "Making Sense of Assessment Feedback in Higher Education", *Review of Educational Research*, vol. 83, no. 1, pp. 70-120, 2013.
- [18] M. Li and R. Barnard, Eds., *Teachers' Voices from the Asian EFL Classroom: Issues and Challenges in ELT*. Routledge, 2021.
- [19] J. W. Strijbos and A. Wichmann, "Promoting learning by leveraging the collaborative and iterative nature of formative peer assessment with and without digital technologies", *The Journal of the Learning Sciences*, vol. 27, no. 1, pp. 5-16, 2018.

PHỤ LỤC

Statistics							Descriptive Statistics					
		Q1. Lỗi thường gặp: Ngữ pháp	Q1. Lỗi thường gặp: Từ Vựng	Q1. Lỗi thường gặp: Cấu trúc câu	Q1. Lỗi thường gặp: Dấu câu	Q1. Lỗi thường gặp: Chính tả	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	
N	Valid	100	100	100	100	100	100	1	5	4.14	.899	Phản hồi về ý tưởng giúp tôi phát triển nội dung bài viết rõ ràng hơn
	Missing	0	0	0	0	0	0					
Mean		.80	.61	.67	.10	.23		2	5	4.14	.779	Phản hồi về sự liên kết giữa các câu và đoạn giúp bài viết mạch lạc hơn
Std. Deviation		.402	.490	.473	.302	.423		2	5	4.25	.809	CFF giúp tôi hiểu được điểm mạnh và điểm yếu trong cách triển khai nội dung
Minimum		0	0	0	0	0		1	5	4.07	.902	CFF giúp tôi nâng cao khả năng tư duy phân biện khi viết đoạn văn học thuật
Maximum		1	1	1	1	1		1	5	4.23	.897	Phản hồi về bố cục đoạn văn giúp tôi sắp xếp ý tưởng hiệu quả hơn.

Statistics							
		Q2. Hình thức FFF: Viết tay trên bản in	Q2. Hình thức FFF: Ghi chú trên Word	Q2. Hình thức FFF: Highlight màu và ghi chú	Q2. Hình thức FFF: Nhận xét chung trên lớp	Q2. Hình thức FFF: Gửi qua email	Q2. Hình thức FFF: Không rõ
N	Valid	100	100	100	100	100	100
	Missing	0	0	0	0	0	0
Mean		.58	.16	.42	.42	.06	.02
Std. Deviation		.496	.368	.496	.496	.239	.141
Minimum		0	0	0	0	0	0
Maximum		1	1	1	1	1	1

Statistics						
		Q9. Cách thức: Ghi rõ lỗi và cách sửa	Q9. Cách thức: Nếu ví dụ minh họa	Q9. Cách thức: Đưa ra câu hỏi gợi mở	Q9. Cách thức: Chỉ đánh dấu lỗi, không giải thích	Q9. Cách thức: Gợi ý thêm tài liệu học ngữ pháp
N	Valid	100	100	100	100	100
	Missing	0	0	0	0	0
Mean		.84	.69	.39	.07	.70
Std. Deviation		.368	.465	.490	.256	.461
Minimum		0	0	0	0	0
Maximum		1	1	1	1	1

Q8. Mức độ muốn FFF chiếm trong tổng số phản hồi					
		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	<30%	2	2.0	2.0	2.0
	30-50%	20	20.0	20.0	22.0
	51-70%	53	53.0	53.0	75.0
	>70%	25	25.0	25.0	100.0
	Total	100	100.0	100.0	

Phản hồi về ý tưởng giúp tôi phát triển nội dung bài viết rõ ràng hơn	100	1	5	4.14	.899
Phản hồi về sự liên kết giữa các câu và đoạn giúp bài viết mạch lạc hơn	100	2	5	4.14	.779
CFF giúp tôi hiểu được điểm mạnh và điểm yếu trong cách triển khai nội dung	100	2	5	4.25	.809
CFF giúp tôi nâng cao khả năng tư duy phân biện khi viết đoạn văn học thuật	100	1	5	4.07	.902
Phản hồi về bố cục đoạn văn giúp tôi sắp xếp ý tưởng hiệu quả hơn.	100	1	5	4.23	.897
Tôi hiểu rõ và có thể điều chỉnh nội dung bài viết dựa trên phản hồi CFF	100	1	5	3.84	.873
CFF giúp tôi viết lại đoạn văn với lập luận và ví dụ chặt chẽ hơn	100	2	5	3.99	.823
Tôi có thể xác định được mục tiêu của từng đoạn sau khi nhận phản hồi nội dung	100	2	5	3.95	.914
CFF làm cho việc viết lại bài trở nên có định hướng và hiệu quả hơn	100	1	5	4.05	.845
Tôi học được cách lập kế hoạch nội dung cho bài viết từ những góp ý của giảng viên	100	1	5	4.05	.903
Giảng viên thường xuyên góp ý cho tôi về mặt nội dung bài viết	100	2	5	3.92	.849
Phản hồi về nội dung thường cụ thể và giúp tôi dễ hiểu	100	2	5	3.99	.772
Đôi khi tôi gặp khó khăn khi cố gắng sửa nội dung theo phản hồi	100	1	5	3.92	.872
Tôi cảm thấy hứng thú hơn với kỹ năng viết sau khi nhận được CFF	100	2	5	4.05	.796
Tôi thường ghi chú các góp ý về nội dung để áp dụng trong các bài viết sau	100	1	5	3.94	.941
Tôi mong muốn nhận được góp ý rõ ràng về cách phát triển ý tưởng	100	1	5	4.32	.851
Tôi muốn được nhận phản hồi nội dung ở cả giai đoạn viết nhập và bài hoàn chỉnh	100	1	5	4.03	.858
Tôi kỳ vọng giảng viên chỉ ra điểm mạnh và điểm cần cải thiện trong lập luận	100	2	5	4.28	.805
Tôi mong phản hồi CFF đi kèm với gợi ý ví dụ, hoặc câu hỏi định hướng	100	2	5	4.16	.873
Tôi mong CFF chiếm tỷ lệ lớn hơn hoặc bằng phản hồi ngôn ngữ trong các bài viết học thuật	100	2	5	4.07	.756
Valid N (listwise)	100				